



## Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT

### Môn Mạng máy tính

- Câu hỏi trắc nghiệm và đáp án của chương 3

Chương 3	Định tuyến	Bài tập	Mức độ	Điểm	Loại câu hỏi	Giải thích đáp án
Tầng mạng	Lớp mạng cho phép kết nối các thiết bị với nhau <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Tầng mạng	Định tuyến là một trong bốn hoạt động cơ bản của tầng mạng: <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Tầng mạng	IPv6 là một giao thức nằm ở tầng Internet <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Tầng mạng	Đặc điểm của lớp mạng là chuyển dữ liệu thành dạng tin hiệu để truyền qua mạng <b>A. Đúng</b> <b>B. Sai</b>		Nhận biết	1	Chọn 1	
Tầng mạng	Chuyển tiếp không phải là một trong những hoạt động cơ bản của lớp mạng <b>A. Đúng</b> <b>B. Sai</b>		Nhận biết	1	Chọn 1	
Tầng mạng	IPX không phải là một giao thức kết nối mạng <b>A. Đúng</b> <b>B. Sai</b>		Nhận biết	1	Chọn 1	
Tầng mạng	Giao thức định tuyến được dùng để A. Trao đổi thông tin chuyển tiếp dữ liệu qua mạng <b>B. Trao đổi thông tin định tuyến giữa các thiết bị định tuyến trên mạng</b> C. Kết nối liên mạng D. Phân giải địa chỉ		Thông hiểu	2	Chọn 1	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

Tầng mạng	Đơn vị dữ liệu thông tin ở tầng Mạng trong mô hình OSI được gọi là gì? A. Bit B. Frame <b>C. Packet</b> D. Frame		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Tầng mạng	Trong những công việc sau, công việc nào không phải là chức năng của tầng Mạng A. Đánh địa chỉ logic cho máy tính <b>B. Đặt tên gọi nhớ cho máy tính</b> C. Tìm đường đi cho các gói tin D. Giải quyết tắc nghẽn		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Tầng mạng	Giao thức ICMP nằm ở tầng nào: <b>A. Tầng Network</b> B. Tầng Data Link C. Tầng Vật lý D. Tầng Ứng dụng		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Tầng mạng	Những giao thức nào dưới đây là giao thức định tuyến (Chọn 3) <b>A. BGP</b> <b>B. OSPF</b> <b>C. IGRP</b> D. IGMP		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Tầng mạng	Những giao thức nào dưới đây là giao thức kết nối mạng (Chọn 3) <b>A. IPX</b> <b>B. IPv6</b> <b>C. Apple Talk</b> D. IS-IS		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Tầng mạng	Giao thức nào dưới đây không phải là giao thức định tuyến (Chọn 3) <b>A. IPv6</b> B. BGP <b>C. IPv4</b> <b>D. SNMP</b>		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Tầng mạng	Đặc điểm của tầng Mạng là: (Chọn 3) <b>A. Cho phép kết nối các thiết bị với nhau</b> <b>B. Các gói được gửi từ nguồn tới đích bằng cách sử dụng địa chỉ</b>		Vận dụng	3	Chọn nhiều	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	<b>C. Nằm giữa tầng Giao vận và tầng Liên kết dữ liệu</b> D. Truyền tải các bit trên đường truyền vật lý					
Giao thức Internet	Địa chỉ IPv6 có độ dài 128 bits <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức Internet	Địa chỉ IPv4 có độ dài là 64 bits A. Đúng <b>B. Sai</b>		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức Internet	192.168.0.0/24 là một địa chỉ public (địa chỉ công cộng) A. Đúng <b>B. Sai</b>		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức Internet	Địa chỉ mạng và địa chỉ quảng bá (ở lớp mạng) không được gán cho các thiết bị <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức Internet	Địa chỉ IP không thay đổi từ nguồn tới đích: <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức Internet	IETF là một trong số nhiều tổ chức chịu trách nhiệm về việc xác định các tiêu chuẩn liên quan tới bộ giao thức TCP/IP <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức Internet	Địa chỉ IPv6 nguồn phải là địa chỉ multicast A. Đúng <b>B. Sai</b>		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức Internet	Địa chỉ IPv6 gồm bao nhiêu bit: A. 124 B. 126 <b>C. 128</b> D. 130		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức Internet	Địa chỉ IP nào dưới đây được biểu diễn ở dạng (dotted-decimal) số thập phân – chấm: <b>A. 102.61.91.0</b> B. 17.183.19.0/24		Thông hiểu	2	Chọn 1	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	C. 72.256.1.100 D. 34.78.51.208.					
Giao thức Internet	Địa chỉ IP của PC nào dưới đây KHÔNG được biểu diễn ở dạng CIDR: <b>A. 202.57.134.19</b> B. 107.23.109.76/24 C. 72.26.19.0/24 D. 34.203.251.255/24		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức Internet	Thông tin nào sau đây là địa chỉ IP hợp lệ: <b>A. 191.255.33.7</b> B. 208.151.256.10 C. 127.191.257.30 D. 208.191.256.30		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức Internet	Giả sử máy A có địa chỉ 172.29.14.11/24 và máy B có địa chỉ 172.29.14.100/24. Tại máy A, để kiểm tra xem có thể gửi dữ liệu đến máy B được hay không, ta dùng lệnh nào: <b>B. Ping 172.29.14.100</b> A. Ping 172.29.14.11 C. Ipconfig 172.29.14.100 D. Ipconfig 172.29.14.11		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức Internet	Sử dụng các quy tắc rút gọn để biểu diễn địa chỉ IPv6 sau: “0800:0000:0000:0000:0123:0000:0000:CDEF”: <b>B. 800::123:0:0:CDEF</b> A. 08::123::CDEF C. 8::123:0000:0000:CDEF D. 800::123:0000:0000:CDEF		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức Internet	Địa chỉ logic (hay địa chỉ IP) sẽ được đóng gói ở tầng nào của mô hình OSI? <b>C. Tầng mạng</b> A. Tầng vật lý B. Tầng liên kết dữ liệu D. Tầng giao vận		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức Internet	Loại địa chỉ nào được sử dụng để gán cho thiết bị máy chủ để truyền dữ liệu ở Tầng Mạng? <b>B. Địa chỉ logic (địa chỉ IP)</b> A. Địa chỉ liên kết dữ liệu		Thông hiểu	2	Chọn 1	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	C. Địa chỉ lớp 2 D. Địa chỉ vật lý					
Giao thức Internet	Phần nào là thành phần cố định trong địa chỉ IPv4? A. Phần mạng con <b>B. Phần mạng</b> C. Phần logic D. Phần host		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức Internet	Phát biểu nào dưới đây là đúng: <b>A. Địa chỉ IPv6 được biểu thị bằng số thập lục phân.</b> B. Địa chỉ IPv4 được biểu thị bằng số thập lục phân. C. Địa chỉ IPv6 có độ dài 32 bit. D. Địa chỉ IPv4 có độ dài 128 bit.		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức Internet	Các đặc điểm cơ bản của giao thức Internet là (Chọn 3) <b>A. Không kết nối</b> <b>B. Không tin cậy</b> <b>C. Không phụ thuộc vào môi trường</b> D. Tin cậy		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức Internet	Những địa chỉ IP nào sau đây là địa chỉ public (Chọn 3) <b>A. 112.64.12.29</b> B. 192.168.23.252 <b>C. 198.234.12.95</b> <b>D. 212.193.48.254</b>		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức Internet	Ưu điểm của địa chỉ IPv6 so với IPv4 (Chọn 3) <b>A. Tăng không gian địa chỉ</b> <b>B. Bảo mật tốt hơn</b> <b>C. Hỗ trợ di động tốt hơn</b> D. Không hỗ trợ QoS		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức Internet	Địa chỉ IP nào sau đây KHÔNG là địa chỉ dạng Private? (Chọn 3) A. 172.30.150.17/16 <b>B. 172.40.150.17/16</b> <b>C. 172.50.150.17/16</b> <b>D. 172.60.150.17/16</b>		Vận dụng	3	Chọn nhiều	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

Giao thức Internet	Địa chỉ nào sau đây KHÔNG phải là địa chỉ mạng của host 12.16.25.14/30 (Chọn 3) <b>A. 12.16.25.4/30</b> <b>B. 12.16.25.6/30</b> <b>C. 12.16.25.8/30</b> D. 12.16.25.12/30		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức Internet	Địa chỉ nào sau đây KHÔNG phải là địa chỉ quảng bá của mạng 19.18.25.128/27 (Chọn 3) <b>A. 19.18.25.255/27</b> <b>B. 19.18.25.128/27</b> <b>C. 19.18.25.100/27</b> D. 19.18.25.159/27		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức Internet	Các loại địa chỉ IPv6 là (Chọn 3) <b>A. Unicast</b> <b>B. Multicast</b> <b>C. Anycast</b> D. Broadcast		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức Internet	Để các gói được gửi đến một đích ở xa, ba thông tin nào phải được cấu hình trên máy chủ? (Chọn 3) A. Hostname <b>B. Địa chỉ IP</b> <b>C. Subnetmask</b> <b>D. Default Gateway</b>		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức định tuyến	OSPF là một giao thức định tuyến? <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Hệ thống tự trị (AS) được điều hành bởi nhiều tổ chức? A. Đúng <b>B. Sai</b>		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Có 3 loại ASN? A. Đúng <b>B. Sai</b>		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Nếu dữ liệu liên tục thay đổi hướng khi tới đích, chứng tỏ quá trình định tuyến là động? <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

Giao thức định tuyến	IGRP là giao thức định tuyến sử dụng thuật toán tính đường đi tốt nhất tới đích. A. Đúng B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Giao thức định tuyến động tự động chia sẻ thông tin định tuyến giữa các bộ định tuyến (Routers). A. Đúng B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Số hiệu mạng (ASN) được cấp và quản lý bởi IANA A. Đúng B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Khi sử dụng định tuyến tĩnh, người quản trị phải cấu hình thủ công trên bộ định tuyến A. Đúng B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Giao thức định tuyến động là một tập hợp các tiến trình, thuật toán, bản tin được sử dụng để trao đổi thông tin định tuyến và lựa chọn đường đi tốt nhất cập nhật vào bảng định tuyến. A. Đúng B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Một máy tính trong một mạng đang liên lạc với một nhóm máy tính cụ thể. Đây là loại giao tiếp gì? A. Broadcast B. Multicast C. Unicast D. Anycast		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Khả năng định tuyến được thực hiện bởi thiết bị: A. Switch B. Hub C. Bridge D. Router		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Chức năng của default gateway trong bảng định tuyến của Router là:		Thông hiểu	2	Chọn 1	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	<p><b>A. Chỉ định đến địa chỉ tiếp theo (next hop) của gói dữ liệu nếu router không biết đường gửi đến đích</b></p> <p>B. Dùng để ấn định subnet mặc định cho mạng LAN</p> <p>C. Dùng xác định địa chỉ nguồn cho các gói dữ liệu gửi ra ngoài</p> <p>D. Là địa chỉ NAT của firewall khi kết nối các máy tính vào Internet</p>					
Giao thức định tuyến	<p>Định tuyến tĩnh là loại định tuyến:</p> <p>A. Dùng cho mạng đơn giản, nhỏ</p> <p>B. Chỉ kích hoạt giao thức định tuyến trên Router</p> <p><b>C. Chỉ rõ đường đi trên mạng cho gói tin</b></p> <p>D. Dùng cho mạng lớn, phức tạp</p>		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	<p>Trong quá trình chuyển tiếp lưu lượng, Router sẽ làm gì ngay sau khi khớp địa chỉ IP đích với mạng trên mục nhập bảng định tuyến được kết nối trực tiếp?</p> <p>A. Loại bỏ lưu lượng truy cập sau khi tham khảo Router table</p> <p>B. Tra cứu địa chỉ hop tiếp theo của gói tin</p> <p><b>C. Chuyển packet sang interface được kết nối trực tiếp</b></p> <p>D. Phân tích địa chỉ IP đích</p>		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	<p>Địa chỉ IPv6 nào dưới đây thuộc nhóm IPv6 unicast là:</p> <p>A. Multicast</p> <p><b>B. Loopback</b></p> <p>C. Anycast</p> <p>D. Broadcast</p>		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	<p>Thiết bị IPv6 gửi gói dữ liệu có địa chỉ đích là FF02::1. Mục tiêu của gói này là gì?</p> <p>A. Tất cả các máy chủ IPv6 DHCP</p> <p><b>B. Tất cả các nút kích hoạt IPv6 trên liên kết cục bộ</b></p> <p>C. Tất cả các Router được cấu hình IPv6 trên liên kết cục bộ</p>		Thông hiểu	2	Chọn 1	





*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	D. Tất cả các Router được cấu hình IPv6 trên mạng					
Giao thức định tuyến	Chức năng của Router là gì? <b>A. Nó kết nối nhiều mạng IP.</b> B. Nó kiểm soát luồng dữ liệu thông qua việc sử dụng địa chỉ Lớp 2. C. Nó làm tăng kích thước của broadcast. D. Nó quản lý cơ sở dữ liệu Vlan.		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Loại địa chỉ IPv6 nào được yêu cầu bắt buộc trên các giao diện hỗ trợ IPv6? A. loopback B. unique local <b>C. link-local</b> D. static		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Loại định tuyến nào cho phép Router chuyển tiếp gói tin ngay cả khi nó không có thông tin về mạng đích? A. dynamic route <b>B. default route</b> C. destination route D. generic route		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Giao thức định tuyến động thực hiện nhiệm vụ gì: A. Trao đổi thông tin định tuyến định kỳ <b>B. Tự động trao đổi thông tin định tuyến</b> C. Trao đổi thông tin định tuyến khi có yêu cầu D. Trao đổi thông tin định tuyến theo kế hoạch của quản trị hệ thống		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Giao thức định tuyến	Mục đích của giao thức định tuyến là: (Chọn 3) <b>A. Trao đổi thông tin giữa các thiết bị định tuyến</b> <b>B. Tăng tính hiệu quả giao tiếp giữa các máy tính</b> <b>C. Tìm đường đi tối ưu</b> D. Tìm kiếm địa chỉ MAC		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức định tuyến	Dải địa chỉ liên kết cục bộ nào KHÔNG thể được gán cho interface hỗ trợ IPv6? (Chọn 3) <b>A. FEC0::/10</b>		Vận dụng	3	Chọn nhiều	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	<b>B. FE80::/8</b> C. FE80::/10 <b>D. FEC0::/8</b>					
Giao thức định tuyến	Địa chỉ nào không phải là địa mạng cho địa chỉ 2001:DB8:BC15:A:12AB::1/64: (Chọn 3) <b>A. 2001:DB8:BC15::0/64</b> B. 2001:DB8:BC15:A::0/64 <b>C. 2001:DB8:BC15:A:1::1/64</b> <b>D. 2001:DB8:BC15:A:12::0/64</b>		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức định tuyến	Các thuật toán tính toán đường đi tốt nhất tới đích là: (Chọn 3) <b>A. Thuật toán khoảng cách - véc tơ</b> <b>B. Thuật toán trạng thái đường</b> <b>C. Thuật toán đường đi tốt nhất</b> D. Thuật toán khoảng cách - trạng thái		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức định tuyến	Mục đích của giao thức định tuyến động là: (Chọn 3) <b>A. Khám phá các mạng ở xa</b> <b>B. Tìm đường đi tối ưu</b> <b>C. Duy trì thông tin định tuyến</b> D. Kiểm soát luồng		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức định tuyến	Các giao thức định tuyến là: (Chọn 3) <b>A. IGP</b> <b>B. EGP</b> <b>C. BGP</b> D. ARP		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức định tuyến	Các loại giao thức định tuyến là (Chọn 3) <b>A. Định tuyến tĩnh</b> <b>B. Định tuyến động</b> <b>C. Định tuyến mặc định</b> D. Định tuyến vòng		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Giao thức định tuyến	Các giao thức nào dưới đây dùng thuật toán khoảng cách - véc tơ (Chọn 3) <b>A. RIPv1</b> <b>B. RIPv2</b> <b>C. IGRP</b> D. IS-IS		Vận dụng	3	Chọn nhiều	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

Giao thức định tuyến	Các chức năng trong giao thức định tuyến động (Chọn 3) <b>A. Tự động chia sẻ thông tin định tuyến giữa các Routers</b> <b>B. Tự động cập nhật bảng định tuyến khi kết nối thay đổi</b> <b>C. Tìm đường đi tốt nhất tới đích</b> D. Tự động phát hiện tuyến mới và tối ưu		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Thiết bị định tuyến	Chuyển tiếp là một nhiệm vụ của Router: <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Thiết bị định tuyến	Router có chức năng định tuyến: <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Thiết bị định tuyến	Câu lệnh để hiển thị bảng định tuyến trên Router Cisco 2811 là “show ip cef” <b>A. Đúng</b> B. Sai		Nhận biết	1	Chọn 1	
Thiết bị định tuyến	Thiết bị nào thực hiện chức năng xác định đường đi cho gói tin qua mạng? <b>A. Router</b> B. Tường lửa C. Web Server D. Modem DSL		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Thiết bị định tuyến	Nếu Default Gateway được cấu hình không chính xác trên các máy tính thì hiện tượng gì sẽ xảy ra ? A. Máy không thể giao tiếp trên mạng cục bộ. <b>B. Máy có thể giao tiếp với các máy khác trên mạng cục bộ nhưng không thể giao tiếp với các máy trên mạng từ xa.</b> C. Máy có thể giao tiếp với các máy khác trên mạng từ xa, nhưng không thể giao tiếp với các máy trên mạng cục bộ. D. Không có ảnh hưởng gì		Thông hiểu	2	Chọn 1	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

Thiết bị định tuyến	Quản trị mạng cấu hình router bằng lệnh “ip route 0.0.0.0 0.0.0.0 209.165.200.226”, mục đích của lệnh này là gì? A. Để chuyển tiếp các gói đến thiết bị có địa chỉ IP 209.165.200.226 B. Để thêm tuyến động cho mạng đích 0.0.0.0 vào bảng định tuyến C. Để chuyển tiếp các gói dành cho mạng 0.0.0.0 tới thiết bị có địa chỉ IP 209.165.200.226 <b>D. Để cung cấp một tuyến chuyển tiếp các gói, khi không có tuyến đường nào phù hợp với nó trong bảng định tuyến</b>		Thông hiểu	2	Chọn 1	
Thiết bị định tuyến	Đâu là những trường thông tin được ghi trong bảng định tuyến (Chọn 3) <b>A. Destination</b> <b>B. Next-Hop</b> <b>C. Outgoing Interface</b> D. Next-Interface		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Thiết bị định tuyến	Những câu lệnh nào dùng để thoát trong Router: (Chọn 3) <b>A. logout</b> <b>B. end</b> <b>C. exit</b> D. off		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Thiết bị định tuyến	Những lệnh sau, lệnh nào được sử dụng trên thiết bị Router (Chọn 3) <b>A. show ip</b> <b>B. show ip cef</b> C. switchport mode access <b>D. show ipv4</b>		Vận dụng	3	Chọn nhiều	
Thiết bị định tuyến	Đâu là các tham số được sử dụng để hiển thị trong bảng định tuyến (Chọn 3) <b>A. S</b> <b>B. C</b> <b>C. *</b> D. W		Vận dụng	3	Chọn nhiều	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

Chia mạng con IPv4 – Dạng 1	<p>Cho địa chỉ IPv4 ở dạng CIDR: 134.15.17.80/22. Xác định những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Số lượng địa chỉ dùng gán cho các hosts</li><li>• Mặt nạ mạng con ở dạng thập phân chấm</li><li>• Địa chỉ mạng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host đầu tiên ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host cuối cùng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ quảng bá ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(1022;255.255.252.0;134.15.16.0/22;134.15.16.1/22;134.15.16.254/22;134.15.16.255/22;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 1	<p>Cho địa chỉ IPv4 ở dạng CIDR: 172.134.25.76/23. Xác định những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Số lượng địa chỉ dùng gán cho các hosts</li><li>• Mặt nạ mạng con ở dạng thập phân chấm</li><li>• Địa chỉ mạng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host đầu tiên ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host cuối cùng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ quảng bá ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(510;255.255.254.0;172.134.24.0/23;172.134.24.1/23;172.134.25.254/23;172.134.25.255/23;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 1	<p>Cho địa chỉ IPv4 ở dạng CIDR: 173.14.225.209/24. Xác định những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Số lượng địa chỉ dùng gán cho các hosts</li><li>• Mặt nạ mạng con ở dạng thập phân chấm</li><li>• Địa chỉ mạng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host đầu tiên ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host cuối cùng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ quảng bá ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	<b>(254;255.255.255.0;173.14.225.0/24;173.14.225.1/24;173.14.225.254/24;173.14.225.255/24;)</b>					
Chia mạng con IPv4 – Dạng 1	Cho địa chỉ IPv4 ở dạng CIDR: 145.35.167.98/25. Xác định những vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Số lượng địa chỉ dùng gán cho các hosts</li><li>• Mặt nạ mạng con ở dạng thập phân chấm</li><li>• Địa chỉ mạng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host đầu tiên ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host cuối cùng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ quảng bá ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(126;255.255.255.128;145.35.167.0/25;145.35.167.1/25;145.35.167.126/25;145.35.167.127/25 ;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 1	Cho địa chỉ IPv4 ở dạng CIDR: 129.166.25.193/26. Xác định những vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Số lượng địa chỉ dùng gán cho các hosts</li><li>• Mặt nạ mạng con ở dạng thập phân chấm</li><li>• Địa chỉ mạng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host đầu tiên ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ host cuối cùng ở dạng CIDR</li><li>• Địa chỉ quảng bá ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(62;255.255.255.192;129.166.25.192/26;129.166.25.193/26;129.166.25.254/26;129.166.25.255/26;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 2a	Cho địa chỉ IPv4 (164.17.148.100/22) và chia mạng có chứa địa chỉ này thành bốn mạng con. Xác định những vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Tính địa chỉ mạng của địa chỉ IP hiện tại</li><li>• Xác định mặt nạ mạng con mới để có được số lượng mạng con cần thiết</li></ul>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	<ul style="list-style-type: none"><li>Liệt kê bốn ID mạng của các mạng con ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(164.17.148.0/22;255.255.255.0;164.17.148.0/24;164.17.149.0/24;164.17.150.0/24;164.17.151.0/24;)</b></p>					
Chia mạng con IPv4 – Dạng 2a	<p>Cho địa chỉ IPv4 (136.137.153.40/25) và chia mạng có chứa địa chỉ này thành 4 mạng con. Xác định những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Tính địa chỉ mạng của địa chỉ IP hiện tại</li><li>Xác định mặt nạ mạng con mới để có được số lượng mạng con cần thiết</li><li>Liệt kê năm ID mạng (đầu tiên) của các mạng con ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(136.137.153.0/25;255.255.255.224;136.137.153.0/27;136.137.153.32/27;136.137.153.64/27;136.137.153.96/27;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 2a	<p>Cho địa chỉ IPv4 (198.122.10.210/26) và chia mạng có chứa địa chỉ này thành bốn mạng con. Xác định những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Tính địa chỉ mạng của địa chỉ IP hiện tại</li><li>Xác định mặt nạ mạng con mới để có được số lượng mạng con cần thiết</li><li>Liệt kê bốn ID mạng của các mạng con ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(198.122.10.192/26;255.255.255.240;198.122.10.192/28;198.122.10.208/28;198.122.10.224/28;198.122.10.240/28;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

Chia mạng con IPv4 – Dạng 2b	<p>Cho địa chỉ IPv4 (134.101.40.10/24) và chia mạng (có chứa IP vừa đề cập) đó thành một số mạng con. Mỗi mạng con có 19 PC (một IP cho mỗi PC). Xác định những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Tính địa chỉ mạng của địa chỉ IP hiện tại</li><li>• Tìm số bit "mượn" để tạo các mạng con mới</li><li>• Xác định mặt nạ mạng con mới</li><li>• Liệt kê ba ID mạng (cuối cùng) của các mạng con ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(134.101.40.0/24;3;255.255.255.224;134.101.40.160/27;134.101.40.192/27;134.101.40.224/27;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 2b	<p>Cho địa chỉ IPv4 (18.22.146.87/25) và chia mạng (có chứa IP vừa đề cập) đó thành một số mạng con. Mỗi mạng con có 12 PC (một IP cho mỗi PC). Xác định những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Tính địa chỉ mạng của địa chỉ IP hiện tại</li><li>• Tìm số bit "mượn" để tạo các mạng con mới</li><li>• Xác định mặt nạ mạng con mới</li><li>• Liệt kê ba ID mạng (cuối cùng) của các mạng con ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(18.22.146.0/25;3;255.255.255.240;18.22.146.80/28;18.22.146.96/28;18.22.146.112/28;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 2b	<p>Cho địa chỉ IPv4 (213.46.187.9/26) và chia mạng (có chứa IP vừa đề cập) đó thành một số mạng con. Mỗi mạng con có 11 PC (một IP cho mỗi PC). Xác định những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Tính địa chỉ mạng của địa chỉ IP hiện tại</li><li>• Tìm số bit "mượn" để tạo các mạng con mới</li><li>• Xác định mặt nạ mạng con mới</li></ul>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	





*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	<ul style="list-style-type: none"><li>Liệt kê ba ID mạng (cuối cùng) của các mạng con ở dạng CIDR</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(213.46.187.0/26;2;255.255.255.240;213.46.187.16/28;213.46.187.32/28;213.46.187.48/28;)</b></p>					
Chia mạng con IPv4 – Dạng 3	<p>Cho địa chỉ mạng của địa chỉ IP (13.88.19.92/21). Chia mạng đó thành 6 mạng con (cho 6 đơn vị trong công ty). Mỗi người có một PC với một địa chỉ IP</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Phòng Kỹ thuật - bảo trì: 90 người</li><li>Phòng SX - CN - R&amp;D: 180 người</li><li>Phòng Hành chính: 70 người</li><li>Phòng Cung ứng – xuất nhập khẩu: 111 người</li><li>Phòng Quản lý chất lượng: 130 người</li><li>Phòng Kế hoạch - kinh doanh: 146 người</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(13.88.19.128/25;13.88.16.0/24;13.88.20.0/25;13.88.19.0/25;13.88.18.0/24;13.88.17.0/24;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 3	<p>Cho địa chỉ mạng của địa chỉ IP (169.35.194.47/22). Chia mạng đó thành 6 mạng con (cho 6 đơn vị trong công ty). Mỗi người có một PC với một địa chỉ IP</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Ban giám đốc: 2 người</li><li>Ban quản lý dự án: 20 người</li><li>Phòng phần mềm: 100 người</li><li>Phòng marketing: 50 người</li><li>Phòng kỹ thuật – Công nghệ: 75 người</li><li>Phòng NC và PT: 8 người</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(169.35.193.112/30;169.35.193.64/27;169.35.192.0/25;169.35.193.0/26;169.35.192.128/25;169.35.193.96/28;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

Chia mạng con IPv4 – Dạng 3	<p>Cho địa chỉ mạng của địa chỉ IP (122.109.146.24/23). Chia mạng đó thành 6 mạng con (cho 6 đơn vị trong công ty). Mỗi người có một PC với một địa chỉ IP</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Phòng kiểm toán: 15 người</li><li>• Phòng nhân sự: 20 người</li><li>• Phòng chăm sóc khách hàng: 40 người</li><li>• Nhà máy: 100 người</li><li>• Phòng NC và PT: 31 người</li><li>• Phòng kỹ thuật: 80 người</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(122.109.147.160/27;122.109.147.128/27; 122.109.147.0/26;122.109.146.0/25; 122.109.147.64/26;122.109.146.128/25;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 3	<p>Cho địa chỉ mạng của địa chỉ IP (145.205.167.98/24). Chia mạng đó thành 6 mạng con (cho 6 đơn vị trong công ty). Mỗi người có một PC với một địa chỉ IP</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Phòng kinh doanh: 14 người</li><li>• Xưởng sản xuất: 18 người</li><li>• Phòng Marketing: 30 người</li><li>• Phòng Quan hệ quốc tế: 20 người</li><li>• Phòng thu mua: 15 người</li><li>• Phòng NC và PTSP: 10 người</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(145.205.166.128/28;145.205.166.64/27; 145.205.166.0/27;145.205.166.32/27;145.205.166.96/27;145.205.166.144.28;)</b></p>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	
Chia mạng con IPv4 – Dạng 3	<p>Cho địa chỉ mạng của địa chỉ IP (236.155.44.33/25). Chia mạng đó thành 6 mạng con (cho 6 đơn vị trong công ty). Mỗi người có một PC với một địa chỉ IP.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Ban thể thao và du lịch: 13 người</li><li>• Ban giáo dục đào tạo: 14 người</li></ul>	x	Vận dụng cao	4	Điền từ	



*Bộ môn Mạng và Các Hệ thống thông tin – Khoa CNTT*

	<ul style="list-style-type: none"><li>• Ban kinh tế và ngân sách: 10 người</li><li>• Ban văn hoá - xã hội: 16 người</li><li>• Ban pháp chế: 8 người</li><li>• Ban thanh tra: 18 người</li></ul> <p>[Điền đúng theo quy cách đã được hướng dẫn]</p> <p><b>(236.155.44.80/28;236.155.44.64/28;236.155.44.96/28;236.155.44.32/27;236.155.44.112/28;236.155.44.0/27;)</b></p>					
--	---	--	--	--	--	--